

**THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 1/2018**  
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

| STT | HỌ TÊN            |         | ĐƠN VỊ     | Tổng thu nhập chịu thuế/Quý | Các khoản giảm trừ/ Quý |                 |                       | Thu nhập tính thuế/quý | Số thuế phải nộp/quý | Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2018 | Số thuế chênh lệch |                | Ký Nộp |
|-----|-------------------|---------|------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------|--------|
|     |                   |         |            |                             | Bản thân                | Người phụ thuộc | Trừ bảo hiểm bắt buộc |                        |                      |                                       | Phải nộp thêm      | Được thoái trả |        |
| 1   | Châu Văn          | Bảo     | Khoa Đ-Đtử | 67,262,160                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 2,090,907             | 27,371,253             | 1,987,125            |                                       | 1,987,125          | -              |        |
| 2   | Tạ Minh           | Cường   | Khoa Đ-Đtử | 67,890,760                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 2,185,992             | 17,104,768             | 960,477              |                                       | 960,477            | -              |        |
| 3   | Vũ Hạnh           | Chiêu   | Khoa Đ-Đtử | 42,571,620                  | 27,000,000              | -               | 1,513,635             | 14,057,985             | 702,900              |                                       | 702,900            | -              |        |
| 4   | Võ                | Cường   | Khoa Đ-Đtử | 54,809,360                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 1,979,358             | 4,230,002              | 211,500              |                                       | 211,500            | -              |        |
| 5   | Ngô Phong         | Cường   | Khoa Đ-Đtử | 42,571,620                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,531,816             | 3,239,804              | 161,991              |                                       | 161,991            |                |        |
| 6   | Nguyễn Hồng       | Đức     | Khoa Đ-Đtử | 58,742,532                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 2,723,699             | 18,218,833             | 1,071,882            |                                       | 1,071,882          |                |        |
| 7   | Nguyễn Minh       | Đức (A) | Khoa Đ-Đtử | 59,303,415                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 2,923,553             | 18,579,862             | 1,107,987            |                                       | 1,107,987          |                |        |
| 8   | Nguyễn Minh       | Đức (B) | Khoa Đ-Đtử | 50,978,850                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 2,246,928             | 10,931,922             | 546,597              |                                       | 546,597            |                |        |
| 9   | Nguyễn Thùy       | Dương   | Khoa Đ-Đtử | 40,407,120                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,500,000             | 1,107,120              | 55,356               |                                       | 55,356             |                |        |
| 10  | Nguyễn Thị Ngọc   | Hiền    | Khoa Đ-Đtử | 45,051,240                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,693,611             | 5,557,629              | 277,881              |                                       | 277,881            | -              |        |
| 11  | Trần Trung        | Hiếu    | Khoa Đ-Đtử | 45,051,240                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,708,599             | 5,542,641              | 277,131              |                                       | 277,131            | -              |        |
| 12  | Mạnh Lê           | Hoàn    | Khoa Đ-Đtử | 43,861,740                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,693,611             | 4,368,129              | 218,406              |                                       | 218,406            | -              |        |
| 13  | Lê Thế            | Huân    | Khoa Đ-Đtử | 45,051,240                  | 27,000,000              | -               | 1,693,611             | 16,357,629             | 885,762              |                                       | 885,762            | -              |        |
| 14  | Huỳnh Ngọc        | Mai     | Khoa Đ-Đtử | 63,632,220                  | 27,000,000              | -               | 2,548,605             | 34,083,615             | 2,862,543            |                                       | 2,862,543          | -              |        |
| 15  | Nguyễn Thị Tổ     | Nga     | Khoa Đ-Đtử | 45,051,240                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,693,611             | 5,557,629              | 277,881              |                                       | 277,881            | -              |        |
| 16  | Nguyễn Trần Thanh | Nhàn    | Khoa Đ-Đtử | 45,051,240                  | 27,000,000              | -               | 1,708,599             | 16,342,641             | 884,265              |                                       | 884,265            | -              |        |
| 17  | Đỗ Huỳnh Thanh    | Phong   | Khoa Đ-Đtử | 40,092,000                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,302,210             | 989,790                | 49,491               |                                       | 49,491             | -              |        |
| 18  | Quách Minh        | Thư     | Khoa Đ-Đtử | 49,850,120                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,612,611             | 10,437,509             | 521,877              |                                       | 521,877            | -              |        |
| 19  | Trần Công         | Tiến    | Khoa Đ-Đtử | 54,969,720                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 2,426,778             | 3,942,942              | 197,148              |                                       | 197,148            | -              |        |

| STT       | HỌ TÊN          |       | ĐƠN VỊ     | Tổng thu nhập chịu thuế/Quý | Các khoản giảm trừ/ Quý |                 |                       | Thu nhập tính thuế/quý | Số thuế phải nộp/quý | Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q1/2018 | Số thuế chênh lệch |                | Ký Nộp |
|-----------|-----------------|-------|------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------|--------|
|           |                 |       |            |                             | Bản thân                | Người phụ thuộc | Trừ bảo hiểm bắt buộc |                        |                      |                                       | Phải nộp thêm      | Được thoái trả |        |
| 20        | Trần Nguyên Bảo | Trần  | Khoa Đ-Đtử | 37,612,380                  | 27,000,000              | -               | 1,093,365             | 9,519,015              | 475,950              |                                       | 475,950            | -              |        |
| 21        | Trần Hiếu       | Trinh | Khoa Đ-Đtử | 47,530,860                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,846,314             | 7,884,546              | 394,227              |                                       | 394,227            | -              |        |
| TỔNG CỘNG |                 |       |            |                             |                         |                 |                       | 235,425,264            | 14,128,377           | -                                     | 14,128,377         | -              |        |

**Tổng cộng thuế phải nộp thêm: 14,128,377 đồng**  
 Bằng chữ: Mười bốn triệu một trăm hai mươi tám nghìn ba trăm bảy mươi bảy đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 10 tháng 05 năm 2018  
 HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thùy

Nguyễn Kính

Phạm Hữu Lộc